TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 64/2021/QĐST-VHNGĐ	*C, ngày 04 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 77/2021/TLST-VHNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021, giữa các bên:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Chị Tạ L, sinh năm 1987; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, khu phố Ô, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Đường DB13, tổ 6, khu phố 3, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Anh Trần T, sinh năm 1986; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, khu phố Ô, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Tổ 13, khu phố 3, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương lập vào ngày 28 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận giữa các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương lập vào ngày 28 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; các bên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và các bên có yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành.

Đã hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm s khoản 2 Điều 39, các Điều 144, Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 2, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa chị Tạ L và anh Trần T như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tạ L và anh Trần T.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần K, sinh ngày 07/11/2019 cho chị Tạ L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Trần T có nghĩa vụ cấp dưỡng cháu Trần K mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 04/6/2021.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Trần T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tạ L, anh Trần T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành này có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND xã A, huyện H, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Lê Cẩm Hằng